ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:181 /BC-UBND	*Hồng Ngự, ngày17 tháng 7 năm 2020*

BÁO CÁO
Kết quả rà soát thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Kính gửi: Văn phòng UBND Tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc rà soát đánh giá thủ tục hành chính năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, đồng thời Ủy ban nhân dân Huyện đã ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2020, về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2020 trên địa bàn huyện Hồng Ngự. Ủy ban nhân huyện Hồng Ngự báo cáo tình hình, kết quả thực hiện như sau:

I. Kết quả rà sóat thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự đã rà soát tổng số 411 thủ tục hành chính. Trong đó, số thủ tục hành chính kiến nghị giữ nguyên là 314 số thủ tục hành chính kiến nghị đơn giản hóa là 102, chiếm tỉ lệ 24,8% tổng số thủ tục hành chính của đơn vị. Tổng chi phí tiết kiệm dự kiến sau đơn giản hóa là: 296.862.730 đồng

II. Kiến nghị, đề xuất

Đối với việc triển khai những thủ tục hành chính mới ban hành hoặc được sửa đổi, bổ sung theo các văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị ngành chức năng tham mưu UBND Tỉnh kịp thời công bố để việc cập nhật công khai, áp dụng và thực hiện TTHC tại địa phương được tốt hơn.

III. Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG BAN HÀNH:

1. Thủ tục cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục

1.1. ***Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thành phần hồ sơ***

Các văn bản pháp lý: xác nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê trụ sở trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ với thời hạn tối thiểu 05 năm; xác nhận về số tiền hiện có do trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ đang quản, bảo đảm tính hợp pháp và cam kết sẽ chỉ sử dụng để đầu tư xây dựng và chi phí cho các hoạt động thường xuyên của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ sau khi được cho phép hoạt động giáo dục; phương án huy động vốn và cân đối vốn tiếp theo để bảo đảm duy tr. ổn định hoạt động của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ trong giai đoạn 05 năm, bắt đầu từ khi được tuyển sinh

Lý do: Chưa cần thiết

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Điều 5, 6 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

- Khoản 2, 3 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáodục.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 171.500 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 131.125 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 40.375 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24%.

2. Thủ tục cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục

2.1. Nội dung đơn giản hóa*: Bãi bỏ thành phần hồ sơ*

Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường.

Lý do: Chưa cần thiết

2.2. Kiến nghị thực thi

- Điều 17, 18 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

- Khoản 9, 10 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 92.875 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 79.250 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 13.625 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15 %.

3. Thủ tục cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động trở lại

3.1. Nội dung đơn giản hóa*: Bãi bỏ thành phần hồ sơ*

- Quyết định thành lập đoàn kiểm tra.

- Biên bản kiểm tra.

Lý do: Chưa cần thiết

3.2. Kiến nghị thực thi

- Điểm b, c, d Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

- Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 107.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 53.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 53.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

4. Thủ tục cho phép Trường trung học cơ sở hoạt động trở lại

4.1. Nội dung đơn giản hóa*: Bãi bỏ thành phần hồ sơ*

+ Quyết định thành lập đoàn kiểm tra.

+ Biên bản kiểm tra.

Lý do: Chưa cần thiết

4.2. Kiến nghị thực thi

- Điểm c, d Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

- Điều 2 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 107.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 53.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 53.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50 %.

5. Thủ tục giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)

5.1. Nội dung đơn giản hóa*: Bãi bỏ thành phần hồ sơ*

- Quyết định thành lập đoàn kiểm tra của Uỷ ban nhân nhân huyện.

- Biên bản kiểm tra.

Lý do: Chưa cần thiết

5.2. Kiến nghị thực thi:

- Điều 21 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

- Điều 2 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 131.750 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 79.250 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 52.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

6. Thủ tục giải thể trường mẫu giáo, mầm non, nhà trẻ

6.1. Nội dung đơn giản hóa*: Bãi bỏ thành phần hồ sơ*

- Quyết định thành lập đoàn kiểm tra của Uỷ ban nhân nhân huyện.

- Biên bản kiểm tra.

Lý do: Chưa cần thiết

6.2. Kiến nghị thực thi

- Điều 9, Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 131.750 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 79.250 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 52.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

7. Thủ tục cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục

7.1. Nội dung đơn giản hóa*: Bãi bỏ thành phần hồ sơ*

Lý do: Chưa cần thiết

7.2. Kiến nghị thực thi

- Điều 27, 28 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

- Khoản 15, 16 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 92.875 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 79.250 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 13.625 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15%.

8. Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản

8.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

Bổ sung hình thức nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

Lý do: thành phần hồ sơ có thể nộp bằng hình thức trực tuyến.

8.2 Kiến nghị thực thi: Nghị định của Chính phủ số 02/2009/NĐ-CPngày 6/01/2009 quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng. Có hiệu lực từ ngày 21/02/2009 và Quy định tại Khoản 5 Điều 2 Nghị định 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 459.500 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 404.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 55.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12%.

9. Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm (Ấp văn hóa nông thôn mới, Khóm văn minh đô thị)

9.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiệnTTHC)***

Bổ sung hình thức nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

Lý do: thành phần hồ sơ có thể nộp bằng hình thức trực tuyến.

9.2 Kiến nghị thực thi: Quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ Quy định về xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn văn hóa", "Làng văn hóa", "Ấp văn hóa", "Bản văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa".

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 23.862.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 18.901.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.961.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21%.

10. Thủ tục công nhận lần đầu "Cơ quan đạt chuẩn văn hóa", "Đơn vị đạt chuẩn văn hóa", "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa" (đạt 02 năm liên tục)

10.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

Bổ sung hình thức nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

Lý do: thành phần hồ sơ có thể nộp bằng hình thức trực tuyến.

10.2 Kiến nghị thực thi: Quy định tại Thông tư số 08/2014/TTBVHTTDL ngày 24 tháng 9 năm 2014 Quy định chi tiết tiêu chuẩn, tr.nh tự, thủ tục xét và công nhận "Cơ quan đạt chuẩn văn hóa", "Đơn vị đạt chuẩn văn hóa", "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa".

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 38.737.500 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 29.550.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 9.187.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24 %.

11. Thủ tục công nhận lần đầu "Xã văn hóa nông thôn mới"

11.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

Bổ sung hình thức nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

Lý do: thành phần hồ sơ có thể nộp bằng hình thức trực tuyến.

11.2 Kiến nghị thực thi: Quy định tại Thông tư số 17/2011/TTBVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới".

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.044.500 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.713.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.331.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22%.

12. Thủ tục công nhận lại "Xã văn hóa nông thôn mới"

12.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

Bổ sung hinh thức nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

Lý do: thành phần hồ sơ có thể nộp bằng hình thức trực tuyến.

12.2 Kiến nghị thực thi: Quy định tại Thông tư số 17/2011/TTBVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới".

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.507.500 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.176.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.331.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18 %.

13. Cấp giấy phép xây đối với công trình và nhà ở riêng lẻ (trừ các công trình thuộc thẩm quyền Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế)

13.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tìm hiểu thủ tục hành chính. Lý do: tìm hiểu trực tiếp qua mạng Internet tại nhà.

- Giảm thời gian điền thông tin vào mẫu đơn. Lý do: Công chức chuyên môn hỗ trợ điền thông tin.

- Giảm thời gian thiết kế bản vẽ xin phép: Lý do: tự thỏa thuận giảm thời gian thiết kế.

13.2. Kiến nghị thực thi: không.

13.3 Lợi ích đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản: 69.650.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản: 56.656.250 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 12.993.750 đồng,

- Chiếm tỷ lệ: 19%.

14. Thủ tục Cấp phép xây dựng công trình không theo tuyến

14.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tìm hiểu thủ tục hành chính. Lý do: tìm hiểu trực tiếp qua mạng Internet tại nhà.

- Giảm thời gian điền thông tin vào mẫu đơn. Lý do: Công chức chuyên môn hỗ trợ điền thông tin.

- Giảm thời gian thiết kế bản vẽ xin phép: Lý do: tự thỏa thuận giảm thời gian thiết kế.

14.2. Kiến nghị thực thi: không.

14.3 Lợi ích đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản: 3.135.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản: 2.578.125 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 556.875 đồng,

- Chiếm tỷ lệ: 18%.

15. Thủ tục Cấp phép xây dựng công trình theo tuyến

15.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tìm hiểu thủ tục hành chính. Lý do: tìm hiểu trực tiếp qua mạng Internet tại nhà.

- Giảm thời gian điền thông tin vào mẫu đơn. Lý do: Công chức chuyên môn hỗ trợ điền thông tin.

- Giảm thời gian thiết kế bản vẽ xin phép: Lý do: tự thỏa thuận giảm thời gian thiết kế.

15.2. Kiến nghị thực thi: không.

15.3 Lợi ích đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản: 1.045.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản: 859.375 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 185.625 đồng,

- Chiếm tỷ lệ: 18%.

16. Thủ tục Cấp phép di dời công trình

16.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tìm hiểu thủ tục hành chính. Lý do: tìm hiểu trực tiếp qua mạng Internet tại nhà.

- Giảm thời gian điền thông tin vào mẫu đơn. Lý do: Công chức chuyên môn hỗ trợ điền thông tin.

- Giảm thời gian thiết kế bản vẽ xin phép và Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện và phương án di dời theo quy định: Lý do: tự thỏa thuận giảm thời gian thiết kế.

16.2. Kiến nghị thực thi: không.

16.3 Lợi ích đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản: 6.855.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản: 6.534.375 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 320.625 đồng,

- Chiếm tỷ lệ: 4,7%.

17. Thủ tục Điều chỉnh giấy phép xây dựng

17.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tìm hiểu thủ tục hành chính. Lý do: tìm hiểu trực tiếp qua mạng Internet tại nhà.

- Giảm thời gian điền thông tin vào mẫu đơn. Lý do: Công chức chuyên môn hỗ trợ điền thông tin.

- Giảm thời gian thiết kế bản vẽ xin phép: Lý do: tự thỏa thuận giảm thời gian thiết kế.

17.2. Kiến nghị thực thi: không.

17.3 Lợi ích đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản: 9.680.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản: 7.823.750 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 1.856.250 đồng,

- Chiếm tỷ lệ: 19%.

18. Thủ tục Cấp phép cải tạo công trình

18.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tìm hiểu thủ tục hành chính. Lý do: tìm hiểu trực tiếp qua mạng Internet tại nhà.

- Giảm thời gian điền thông tin vào mẫu đơn. Lý do: Công chức chuyên môn hỗ trợ điền thông tin.

- Giảm thời gian thiết kế bản vẽ xin phép: Lý do: tự thỏa thuận giảm thời gian thiết kế.

- Cắt bỏ ảnh chụp hiện trạng. Lý do: Công chức thẩm định trực tiếp hiện trạng công trình làm cơ sở thẩm định hồ sơ.

18.2. Kiến nghị thực thi: Điều chỉnh Quyết định số 1358/QĐ-UBND-HC ngày 12/11/2019 của UBND Tỉnh Đồng Tháp.

18.3 Lợi ích đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản: 3.386.250 đồng.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản: 2.983.125 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 403.125 đồng,

- Chiếm tỷ lệ: 11,9%.

19. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai

19.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tìm hiểu thủ tục hành chính. Lý do: tìm hiểu trực tiếp qua mạng Internet tại nhà.

- Giảm thời gian điền thông tin vào mẫu đơn. Lý do: Công chức chuyên môn hỗ trợ điền thông tin.

- Bỏ thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy. Lý do: Giao công chức thẩm định phối hợp Công an huyện thẩm định trực tiếp.

19.2. Kiến nghị thực thi: Điều chỉnh Quyết định số 1087/QĐ-UBND-HCngày 17/9/2019 của UBND Tỉnh Đồng Tháp.

19.3 Lợi ích đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản: 14.825.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản: 7.568.750 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 1.856.250 đồng,

- Chiếm tỷ lệ: 49%.

20. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai

20.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tìm hiểu thủ tục hành chính. Lý do: tìm hiểu trực tiếp qua mạng Internet tại nhà.

- Giảm thời gian điền thông tin vào mẫu đơn. Lý do: Công chức chuyên môn hỗ trợ điền thông tin.

20.2. Kiến nghị thực thi: không.

20.3 Lợi ích đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản: 843.750 đồng.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản: 506.250 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 337.500 đồng,

- Chiếm tỷ lệ: 40%.

21. Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai

21.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tìm hiểu thủ tục hành chính. Lý do: tìm hiểu trực tiếp qua mạng Internet tại nhà.

- Giảm thời gian điền thông tin vào mẫu đơn. Lý do: Công chức chuyên môn hỗ trợ điền thông tin.

21.2. Kiến nghị thực thi: không.

21.3 Lợi ích đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản: 1.181.250 đồng.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản: 675.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 506.250 đồng,

- Chiếm tỷ lệ: 43%.

22. Thủ tục Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

22.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tìm hiểu thủ tục hành chính. Lý do: tìm hiểu trực tiếp qua mạng Internet tại nhà.

- Giảm thời gian điền thông tin vào mẫu đơn. Lý do: Công chức chuyên môn hỗ trợ điền thông tin.

22.2. Kiến nghị thực thi: không.

22.3 Lợi ích đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản: 1.518.750 đồng.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản: 843.750 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 675.000 đồng,

- Chiếm tỷ lệ: 44%.

23. Thủ tục Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

23.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tìm hiểu thủ tục hành chính. Lý do: tìm hiểu trực tiếp qua mạng Internet tại nhà.

- Giảm thời gian điền thông tin vào mẫu đơn. Lý do: Công chức chuyên môn hỗ trợ điền thông tin.

23.2. Kiến nghị thực thi: không.

23.3 Lợi ích đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản: 1.181.250 đồng.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản: 675.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 506.250 đồng,

- Chiếm tỷ lệ: 43%.

24. Thủ tục Cấp sữa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

24.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tìm hiểu thủ tục hành chính. Lý do: tìm hiểu trực tiếp qua mạng Internet tại nhà.

- Giảm thời gian điền thông tin vào mẫu đơn. Lý do: Công chức chuyên môn hỗ trợ điền thông tin.

24.2. Kiến nghị thực thi: không.

24.3 Lợi ích đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản: 1.350.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản: 843.750 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 506.250 đồng,

- Chiếm tỷ lệ: 37%.

25. Thủ tục Cấp giấy phép bán lẻ thuốc lá

25.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tìm hiểu thủ tục hành chính. Lý do: tìm hiểu trực tiếp qua mạng Internet tại nhà.

- Giảm thời gian điền thông tin vào mẫu đơn. Lý do: Công chức chuyên môn hỗ trợ điền thông tin.

25.2. Kiến nghị thực thi: không.

25.3 Lợi ích đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản: 735.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản: 684.375 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 50.625 đồng,

- Chiếm tỷ lệ: 7%.

26. Thủ tục Cấp sữa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ thuốc lá

26.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tìm hiểu thủ tục hành chính. Lý do: tìm hiểu trực tiếp qua mạng Internet tại nhà.

- Giảm thời gian điền thông tin vào mẫu đơn. Lý do: Công chức chuyên môn hỗ trợ điền thông tin.

26.2. Kiến nghị thực thi: không.

26.3 Lợi ích đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản: 135.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản: 84.375 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 50.625 đồng,

- Chiếm tỷ lệ: 37%.

27. Thủ tục Cấp lại giấy phép bán lẻ thuốc lá

27.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian tìm hiểu thủ tục hành chính. Lý do: tìm hiểu trực tiếp qua mạng Internet tại nhà.

- Giảm thời gian điền thông tin vào mẫu đơn. Lý do: Công chức chuyên môn hỗ trợ điền thông tin.

27.2. Kiến nghị thực thi: không.

27.3 Lợi ích đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản: 118.125 đồng.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản: 67.500 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 50.625 đồng,

- Chiếm tỷ lệ: 43%.

28. Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.

28.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

- Bỏ nguyên quán tại mẫu số 03.

Lý do: Thân nhân người có công và đối tượng không nhất thiết phải khai nguyên quán vì khi quản lý hoặc chi trả thì thực hiện tại nơi thường trú hiện tại nên việc khai báo là không cần thiết.

28.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ) tại Khoản 2, Điều 35 và khoản 2, Điều 37 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013.

28.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.150.288 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.044.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 106.288 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5%.

29. Thủ tục Giải quyết chế độ mai táng phí và trợ cấp một lần đối với thân nhân người có công.

29.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Bỏ nguyên quán thuộc phần khai thân nhân NCC ở mẫu TT1.

Lý do: Thân nhân người có công không nhất thiết phải khai nguyên quán vì khi quản lý hoặc chi trả thì thực hiện tại nơi thường trú hiện tại.

29.2. Kiến nghị thực thi: Điều 39, Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH.

29.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.150.288 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.044.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 106.288 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5%.

30. Thủ tục Giải quyết chế độ mai táng phí cho thân nhân Cựu chiến binh từ trần.

30.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Bỏ nguyên quán thuộc phần khai thân nhân NCC ở mẫu 1B.

Lý do: Thân nhân Cựu chiến binh không nhất thiết phải khai nguyên quán vì khi quản lý hoặc chi trả thì thực hiện tại nơi thường trú hiện tại.

30.2. Kiến nghị thực thi: Khoản 2, Mục II Thông tư Liên tịch số 10/2007/TTLT-BLĐTBXH-HCCBVN-BTC-BQP ngày 25/7/2007.

30.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.150.288 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.044.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 106.288 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5%.

31. Thủ tục Đổi hoặc cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công".

31.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Bỏ nguyên quán thuộc phần đơn đề nghị cấp lại bằng "tổ quốc ghi công" (TQ1).

Lý do: Thân nhân liệt sĩ không nhất thiết phải khai nguyên quán vì trong danh sách quản lý đã lưu nơi ở hiện tại.

31.2. Kiến nghị thực thi: Điều 51 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH.

31.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.150.288 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.044.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 106.288 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5%.

32. Thủ tục Giải quyết chế độ trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần.

32.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Bỏ nguyên quán thuộc phần khai thân nhân NCC mẫu TT1 và giấy xác nhận thu nhập mẫu TN.

Lý do: Thân nhân người có công không nhất thiết phải khai nguyên quán vì khi quản lý hoặc chi trả thì thực hiện tại nơi thường trú hiện tại.

32.2. Kiến nghị thực thi: Điều 20 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013; Điều 40 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013.

32.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.150.288 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.044.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 106.288 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5%.

33. Thủ tục Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.

33.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Bỏ nguyên quán thuộc phần khai Bản khai bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ (Mẫu 5).

Lý do: Thân nhân liệt sĩ không nhất thiết phải khai nguyên quán vì khi quản lý hoặc chi trả thì thực hiện tại nơi thường trú hiện tại.

33.2. Kiến nghị thực thi: Điều 6 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013.

33.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.150.288 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.044.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 106.288 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5%.

34. Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi Người có công giúp đỡ cách mạng

34.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Bỏ nguyên quán thuộc phần khai dành cho người có công giúp đỡ cách mạng (CC1) và bản khai cá nhân thân nhân của người có công giúp đỡ cách mạng (Mẫu 3).

Lý do: Thân nhân và người có công không nhất thiết phải khai nguyên quán vì khi quản lý hoặc chi trả thì thực hiện tại nơi thường trú hiện tại.

34.2. Kiến nghị thực thi: Điều 37, 38 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013.

34.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.150.288 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.044.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 106.288 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5%.

35. Thủ tục Giải quyết chế độ Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

35.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Bỏ nguyên quán thuộc phần khai dành cho người hoạt động kháng chiến (KC1).

Lý do: Người hoạt động kháng chiến không nhất thiết phải khai nguyên quán vì khi quản lý hoặc chi trả thì thực hiện tại nơi thường trú hiện tại.

35.2. Kiến nghị thực thi: Điều 35, 36 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013.

35.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.150.288 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.044.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 106.288 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5%.

36. Thủ tục Mua thẻ bảo hiểm y tế cho người có công hoặc thân nhân thuộc diện được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

36.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Bỏ nguyên quán thuộc phần khai cá nhân để hưởng chế độ bảo hiểm y tế đối với người có công (BH1).

Lý do: thân nhân và NCC không nhất thiết phải khai nguyên quán vì khi quản lý là tại nơi thường trú hiện tại.

36.2. Kiến nghị thực thi: Điều 41 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013.

36.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.150.288 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.044.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 106.288 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5 %.

37. Thủ tục thực hiện hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội.

37.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a) Bỏ Trợ cấp BHXH hàng tháng: ……đồng. Hưởng từ tháng ……/ …….; Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng:…..đồng. Hưởng từ tháng..../....; Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác:.....đồng. Hưởng từ tháng ……/ …... (mẫu 1a,1b).

Lý do: Khi đối tượng kê khai chỉ cần khai đang hưởng Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: ……đồng. Hưởng từ tháng ……/ …..., còn lại thì không cần thiết.

37.2. Kiến nghị thực thi: Khoản 1, 2, Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP.

37.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.442.288 đồng /năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.336.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm cho thủ tục: 106.288 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4%.

38. Thủ tục Xác định hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp theo Điều 3 của thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ tài nguyên và môi trường.

38.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp theo Điều 3 của thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ tài nguyên và môi trường.

Lý do: Khi hộ gia đình, cá nhân khi đi chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế đất nông nghiệp thì bắt họ phải về nơi đăng ký hộ khẩu thường trú để xác nhận thì trường hợp này gây bức xúc cho người dân.

38.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục 2 Ban hành kèm theo quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 31/12/2019.

38.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.997.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.202.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4.795.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 79.9 %.

39. Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị.

39.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ báo cáo thành tích khi đề nghị khen thưởng của Chủ tịch UBND xã về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Lý do: Đề nghị khen nhiệm vụ chính trị căn cứ vào kết quả đánh giá hàng năm của đơn vị mà bản tự đánh giá của cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách đã nêu. Trên cơ sở đó đã đánh giá được mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

39.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục 1, Khoản c, Ban hành kèm theo quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019.

39.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.532.250 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.200.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 332.250 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9%.

40. Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề.

40.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng trong đó ghi rõ thành tích để đề nghị khen thưởng.

Lý do: Đề nghị khen thưởng nhiệm vụ theo đợt, chuyên đề căn cứ vào kế hoạch phát động chuyên đề thi đua, trên cơ sở đó căn cứ vào thành tích và cá nhân đạt được. chỉ cần nên rõ trong tờ trình của đơn vị đề nghị khen thưởng.

40.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục 2, Khoản c, Ban hành kèm theo quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019.

40.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.455.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 855.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35%.

41. Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất.

41.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng trong đó ghi rõ thành tích để đề nghị khen thưởng.

Lý do: Đề nghị khen thưởng nhiệm vụ đột xuất, căn cứ vào kế hoạch phát động chuyên đề thi đua, trên cơ sở đó căn cứ vào thành tích và các nhân đạt được. chỉ cần nên rõ trong tờ trình của đơn vị đề nghị khen thưởng.

41.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục 3, Khoản c, Ban hành kèm theo quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019.

41.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.455.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 855.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35 %.

42. Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình.

42.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ báo cáo thành tích do gia đình được đề nghị khen thưởng trong đó ghi rõ thành tích để đề nghị khen thưởng.

Lý do: Hộ gia đình cá nhân tiêu biểu được tặng giấy khen thì căn cứ vào biên bản họp xét của từng cấp.

42.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục 43, Khoản c, Ban hành kèm theo quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019.

42.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.137.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.137.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35%.

43. Thủ tục đăng ký khai sinh trong nước.

43.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Xóa bỏ giấy ủy quyền trong thủ tục nếu người làm thủ tục là ông, bà, cha, mẹ, anh chị em ruôt.

Lý do: Vì loại giấy ủy quyền này không cần chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Nên việc làm giấy ủy quyền dạng này khó có thể kiểm chứng được.

43.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh phần B, mục 1, Thành phần hồ sơ của Thủ tục hành chính cấp bản sao trích lục hộ tịch theo Quyết định số 1670/QĐ-UBND-HC ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

43.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 81.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 54.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 27.000 đồng/ năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%

44. Thủ tục đăng ký khai sinh cho người có hồ sơ và giấy tờ cá nhân.

44.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.

Lý do: Khi ông bà nội, ngoại, anh, chị em ruột khi đi đăng ký khai sinh cho người thân vẫn thực hiện ủy quyền thì vấn đề này thủ tục hành chính gây rờm rà cho người dân, bởi vì trong tờ khai đi đăng ký khai sinh, có mục quan hệ với người đi đăng ký khai sinh là ai, vấn đề này rất cụ thể.

44.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục II, Khoản 2, Ban hành kèm theo quyết định số: 1670/QĐ-UBND ngày 30/12/2019.

44.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.081.250 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.503.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 10.578.125 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 88 %.

45. Thủ tục đăng ký khai tử trong nước.

45.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử.

Lý do: Khi người đi đăng ký khai tử là đại diện gia đình cha, mẹ, anh chị em ruột, khi đi đăng ký khai tử cho người thân vẫn thực hiện ủy quyền thì vấn đề này thủ tục hành chính gây rờm rà cho người dân, bởi vì trong tờ khai đi đăng ký khai tử, có mục quan hệ với người đi đăng ký khai sinh là ai, vấn đề này rất cụ thể.

45.2. Kiến nghị thực thi *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*.

Tại mục II, Khoản 6, Ban hành kèm theo quyết định số: 1670/QĐ-UBND ngày 30/12/2019.

45.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 17.992.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.607.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 14.385.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80 %.

46. Thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch.

46.1. *Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).*

Xóa bỏ giấy ủy quyền trong thủ tục nếu người làm thủ tục là ông, bà, cha, mẹ, anh chị em ruôt.

Lý do: Vì loại giấy ủy quyền này không cần chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Nên việc làm giấy ủy quyền dạng này khó có thể kiểm chứng được.

46.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh phần B, mục 14, Thành phần hồ sơ của Thủ tục hành chính cấp bản sao trích lục hộ tịch theo Quyết định số 1670/QĐ-UBND-HC ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

46.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 81.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 40.500 đồng /năm.
- Chi phí tiết kiệm: 40.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

47. Thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

47.1. *Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).*

Xóa bỏ giấy ủy quyền trong thủ tục nếu người làm thủ tục là ông, bà, cha, mẹ, anh chị em ruôt.

Lý do: Vì loại giấy ủy quyền này không cần chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Nên việc làm giấy ủy quyền dạng này khó có thể kiểm chứng được.

47.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh phần B, mục 15, Thành phần hồ sơ của Thủ tục hành chính cấp bản sao trích lục hộ tịch theo Quyết định số 1670/QĐ-UBND-HC ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

47.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 81.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 67.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 13.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17%.

48. Thủ tục đăng ký lại khai sinh trong nước.

48.1. *Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).*

Xóa bỏ giấy ủy quyền trong thủ tục nếu người làm thủ tục là ông, bà, cha, mẹ, anh chị em ruôt.

Lý do: Vì loại giấy ủy quyền này không cần chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Nên việc làm giấy ủy quyền dạng này khó có thể kiểm chứng được.

48.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh phần B, mục 16, Thành phần hồ sơ của Thủ tục hành chính cấp bản sao trích lục hộ tịch theo Quyết định số 1670/QĐ-UBND-HC ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

48.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 81.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 51.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 27.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

49. Thủ tục đăng ký lại khai tử trong nước.

49.1. *Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).*

Bãi bỏ Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai tử trong nước.

Lý do: Khi ông bà nội ngoại, cha mẹ, anh, chị em ruột khi đi đăng ký lại khai tử cho người thân vẫn thực hiện ủy quyền thì vấn đề này thủ tục hành chính

gây rờm rà cho người dân, bởi vì trong tờ khai đi đăng ký lại khai tử, có mục quan hệ với người đi đăng ký khai tử là ai, vấn đề này rất cụ thể.

49.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục II, Khoản 18, Ban hành kèm theo quyết định số: 1670/QĐ-UBND ngày 30/12/2019.

49.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 599.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 120.250 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 479.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%.

50. Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch.

50.1. Nội dung đơn giản hóa

Xóa bỏ giấy ủy quyền trong thủ tục nếu người làm thủ tục là ông, bà, cha, mẹ, anh chị em ruôt.

Lý do: Vì loại giấy ủy quyền này không cần chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Nên việc làm giấy ủy quyền dạng này khó có thể kiểm chứng được.

50.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh Phần B, mục 19, Thành phần hồ sơ của Thủ tục hành chính cấp bản sao trích lục hộ tịch theo Quyết định số 1670/QĐ-UBND-HC ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

50.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 81.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 40.500 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 40.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

51. Thủ tục Đăng ký giám hộ

51.1. Nội dung đơn giản hóa

Xóa bỏ giấy ủy quyền trong thủ tục nếu người làm thủ tục là ông, bà, cha, mẹ, anh chị em ruôt.

Lý do: Vì loại giấy ủy quyền này không cần chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Nên việc làm giấy ủy quyền dạng này khó có thể kiểm chứng được. Cũng nhằm tạo điều kiện để người thân có thể đứng ra làm thủ tục khi người chủ hồ sơ không đủ điều kiện để đi.

51.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh phần C, mục 1, Thành phần hồ sơ của Thủ tục hành chính cấp bản sao trích lục hộ tịch theo Quyết định số 1670/QĐ-UBND-HC ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

51.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 94.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 67.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 27.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29%.

52. Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ

52.1. Nội dung đơn giản hóa

Xóa bỏ giấy ủy quyền trong thủ tục nếu người làm thủ tục là ông, bà, cha, mẹ, anh chị em ruôt.

Lý do: Vì loại giấy ủy quyền này không cần chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Nên việc làm giấy ủy quyền dạng này khó có thể kiểm chứng được. Cũng nhằm tạo điều kiện để người thân có thể đứng ra làm thủ tục khi người chủ hồ sơ không đủ điều kiện để đi.

52.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh phần C, mục 2, Thành phần hồ sơ của Thủ tục hành chính cấp bản sao trích lục hộ tịch theo Quyết định số 1670/QĐ-UBND-HC ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

52.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 94.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 67.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 27.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29%.

53. Thủ tục Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo hoạt động giáo dục trở lại

53.1. Nội dung đơn giản hóa

Nên có quy định chung về mẫu tờ tường trình với những nội sung cụ thể, cần có cho một bản tường trình.

Lý do: Giúp tiết kiệm được thời gian soạn thảo và cập nhật hồ sơ cho cá nhân, tổ chức khi muốn thực hiện TTHC.

53.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh phần A, mục 1, Thủ tục hành chính Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo hoạt động giáo dục trở lại theo Quyết định số 637/QĐ-UBND-HC ngày 26/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

53.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 108.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 67.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 40.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37%.

54. Thủ tục cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học

54.1. Nội dung đơn giản hóa

Nên có quy định chung về mẫu tờ tường trình với những nội sung cụ thể, cần có cho một bản tường trình.

Lý do: Giúp tiết kiệm được thời gian soạn thảo và cập nhật hồ sơ cho cá nhân, tổ chức khi muốn thực hiện TTHC.

54.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh phần A, mục 2, Thủ tục hành chính; Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học theo Quyết định số 637/QĐ-UBND-HC ngày 26/06/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

54.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 108.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 67.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 40.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37%.

55. Thủ tục thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập

55.1. Nội dung đơn giản hóa

Nên có quy định chung về mẫu tờ tường trình với những nội sung cụ thể, cần có cho một bản tường trình.

Lý do: Giúp tiết kiệm được thời gian soạn thảo và cập nhật hồ sơ cho cá nhân, tổ chức khi muốn thực hiện TTHC.

55.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh phần B, mục 1, Thủ tục thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập theo Quyết định số 637/QĐ-UBND-HC ngày 26/06/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

55.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 108.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 67.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 40.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37%.

56. Thủ tục sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục

56.1. Nội dung đơn giản hóa

Nên có quy định chung về mẫu tờ tường trình với những nội sung cụ thể, cần có cho một bản tường trình.

Lý do: Giúp tiết kiệm được thời gian soạn thảo và cập nhật hồ sơ cho cá nhân, tổ chức khi muốn thực hiện TTHC.

56.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh phần B, mục 2, Thủ tục thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập theo Quyết định số 637/QĐ-UBND-HC ngày 26/06/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

56.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 108.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 67.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 40.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37%.

57. Thủ tục thực hiện hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội.

57.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ Bản sao giấy khai sinh đối với trường hợp trẻ em.

Lý do: Trong thành phần hồ sơ có sổ hộ khẩu đã ghi đầy đủ thông tin và tờ khai đề nghị trợ cấp xã hội củng ghi đầy đủ thông tin.

57.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục B, Khoản I, điểm 1, Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.

57.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.495.625 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.104.375 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 8.391.250 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%.

58. Thủ tục thực hiện trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.

58.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ Nguyên quán trong Bản khai cá nhân (Mẫu 3).

Lý do: Khi cơ quan cấp trên ra quyết định hổ trợ thì căn cứ vào thông tin trú quán.

58.2. Kiến nghị thực thi *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*.

Tại mục B, Khoản I, điểm 1, Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.

58.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.499.375 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 300.625 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.198.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%.

59. Thủ tục Giải quyết chế độ mai tang phí và trợ cấp một lần đối với thân nhân người có công.

59.1. *Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).*

Bãi bỏ Nguyên quán trong Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ (Mẫu TT1).

Lý do: Khi cơ quan chuyên môn cấp trên thực hiện cấp Quyết định hành chính, thì căn cứ vào nơi trú quán.

59.2. Kiến nghị thực thi *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*.

Tại mục B, Khoản I, điểm 2, Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.

59.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 899.625 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 180.375 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 719.250 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%.

60. Thủ tục giải quyết chế độ mai tang phí cho thân nhân Cựu chiến binh từ trần.

60.1. *Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).*

Bãi bỏ Nguyên quán trong Bản đề đề nghị hưởng trợ cấp mai tang phí (Mẫu 1B).

Lý do: Khi cơ quan chuyên môn cấp trên thực hiện cấp Quyết định hành chính, thì căn cứ vào nơi nời trú.

60.2. Kiến nghị thực thi *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*.

Tại mục B, Khoản II, điểm 1, Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.

60.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 899.625 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 180.375 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 719.250 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%.

61. Thủ tục Đổi hoặc cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công".

61.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ Nguyên quán trong Bản khai cá nhân (Mẫu TQ1).

Lý do: Khi cơ quan chuyên môn cấp trên thực hiện cấp Quyết định hành chính, thì căn cứ vào nơi trú quán.

61.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục B, Khoản II, điểm 2, Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.

61.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 599.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 120.250 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 479.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%.

62. Thủ tục Giải quyết chế độ trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần.

62.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ Nguyên quán trong Bản khai hưởng chế độ khi người có công từ trần (Mẫu TT1).

Lý do: Khi cơ quan chuyên môn cấp trên thực hiện cấp Quyết định hành chính, thì căn cứ vào nơi trú quán.

62.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục B, Khoản II, điểm 3, Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.

62.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.499.375 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 300.625 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.198.750 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%.

63. Thủ tục Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân Liệt sĩ.

63.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ Nguyên quán trong Bản khai tình hình than nhân Liệt Sĩ (Mẫu LS4).

Lý do: Khi cơ quan chuyên môn cấp trên thực hiện cấp Quyết định hành chính, thì căn cứ vào nơi trú quán.

63.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục B, Khoản II, điểm 4, Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.

63.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 599.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 120.250 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm:. 479.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%.

64. Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.

64.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ Nguyên quán trong Bản khai cá nhân (Mẫu AH1), (Mẫu AH2).

Lý do: Khi cơ quan chuyên môn cấp trên thực hiện cấp Quyết định hành chính, thì căn cứ vào nơi trú quán.

64.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục B, Khoản II, điểm 5, Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.

64.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 599.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 120.250 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 479.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%.

65. Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

65.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ Nguyên quán trong Bản khai cá nhân (Mẫu HH1).

Lý do: Khi cơ quan chuyên môn cấp trên thực hiện cấp Quyết định hành chính, thì căn cứ vào nơi trú quán.

65.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục B, Khoản II, điểm 6, Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.

65.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 299.875 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 60.125 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 239.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%.

66. Thủ tục giải quyết chế độ hồ sơ ưu đãi đối với người hoạt đông cách mạng, hoạt đông kháng chiến bị bắt tù đày.

66.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ Nguyên quán trong Bản khai cá nhân (Mẫu TĐ 1), (Mẫu TĐ 2), (Mẫu TĐ 3).

Lý do: Khi cơ quan chuyên môn cấp trên thực hiện cấp Quyết định hành chính, thì căn cứ vào nơi trú quán.

66.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục B, Khoản II, điểm 7, Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.

66.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 299.875 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 60.125 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 239.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%.

67. Thủ tục giải quyết chế độ Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

67.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ Nguyên quán trong Bản khai cá nhân (Mẫu KC1).

Lý do: Khi cơ quan chuyên môn cấp trên thực hiện cấp Quyết định hành chính, thì căn cứ vào nơi trú quán.

67.2. Kiến nghị thực thi *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*.

Tại mục B, Khoản II, điểm 8, Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.

67.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.199.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 240.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 959.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%.

68. Thủ tục giải quyết chế độ Thờ cúng Liệt sĩ.

68.1. *Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).*

Bãi bỏ Nguyên quán trong Đơn đề nghị hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (Mẫu LS7).

Lý do: Khi cơ quan chuyên môn cấp trên thực hiện cấp Quyết định hành chính, thì căn cứ vào nơi trú quán.

68.2. Kiến nghị thực thi *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*.

Tại mục B, Khoản II, điểm 9, Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.

68.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.499.375 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 300.625 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.198.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%.

69. Thủ tục giải quyết trợ cấp ưu đãi Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

69.1. *Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).*

Bãi bỏ Nguyên quán trong Bản khai cá nhân (Mẫu BM1).

Lý do: Khi cơ quan chuyên môn cấp trên thực hiện cấp Quyết định hành chính, thì căn cứ vào nơi trú quán.

69.2. Kiến nghị thực thi *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*.

Tại mục B, Khoản II, điểm 10, Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.

69.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 299.875 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 60.125 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 239.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%.

70. Thủ tục Giải quyết hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẽ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

70.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ Nguyên quán trong Bản khai cá nhân đề nghị giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (Mẫu HH1).

Lý do: Khi cơ quan chuyên môn cấp trên thực hiện cấp Quyết định hành chính, thì căn cứ vào nơi trú quán.

70.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục B, Khoản II, điểm 11, Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.

70.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 299.875 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 239.750 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 60.125 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80 %.

71. Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi Người có công giúp đỡ cách mạng.

71.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ Nguyên quán trong Bản khai cá nhân (Mẫu CC1).

Lý do: Khi cơ quan chuyên môn cấp trên thực hiện cấp Quyết định hành chính, thì căn cứ vào nơi trú quán.

71.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục B, Khoản II, điểm 12, Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.

71.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.799.250 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 360.750 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.483.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%.

72. Thủ tục mua bảo hiểm y tế cho người có công hoặc thân nhân thuộc diện cấp thẻ bảo hiểm y tế.

72.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC).***

Bãi bỏ Nguyên quán trong Bản khai cá nhân (Mẫu BH1), (Mẫu BH2)..

Lý do: Khi Phòng bảo hiểm y tế huyện cấp thẻ bảo hiểm y tế thì căn cứ vào thông tin trú quán.

72.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***.

Tại mục B, Khoản I, điểm 1, Ban hành kèm theo quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 06/11/2019.

72.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 899.625 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 180.375 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 719.250 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80 %.

73. Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND xã cho gia đình

73.1. Nội dung đơn giản hóa*: Bãi bỏ thành phần hồ sơ*

- Báo cáo thành tích của gia đình

Lý do: Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

73.2. Kiến nghị thực thi

Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

73.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.075.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.725.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29%.

74. Thủ tục Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất.

74.1. Nội dung đơn giản hóa*: Sửa đổi thành phần hồ sơ*

- Bản sao giấy CMND

Lý do: Thực hiện Quyết định 1692 ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Tháp

74.2. Kiến nghị thực thi

Thực hiện Quyết định 1692 ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Tháp

74.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 510.00 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 387.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 122.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24%.

75. Thủ tục Đăng ký lại kết hôn

75.1. Nội dung đơn giản hóa*: Bãi bỏ thành phần hồ sơ*

+ Bản sao giấy kết hôn

Lý do: UBND xã đang quản lý sổ hộ tịch đã ghi chú việc kết hôn

75.2. Kiến nghị thực thi

75.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.265.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 775.000đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 490.000đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 39%.

76. Thủ tục Chứng thực di chúc

76.1. Nội dung đơn giản hóa*: Bãi bỏ thành phần hồ sơ*

+ Bản sao chứng minh nhân dân

Lý do: Công dân đã kê khai đầy đủ nội dung trong di chúc

76.2. Kiến nghị thực thi

76.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.357.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.235.000đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 122.500đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9%.

77. Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở

77.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thành phần hồ sơ

Bãi bỏ bản sao giấy chứng minh nhân dân.

Lý do: Vì trong bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thể hiện rõ thông tin trên giấy chứng minh nhân dân.

77.2. Kiến nghị thực thi

Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

77.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 27.150.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 24.700.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.450.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9%.

78. Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở

78.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thành phần hồ sơ

Bãi bỏ bản sao giấy chứng minh nhân dân.

Lý do: Vì trong bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thể hiện rõ thông tin trên giấy chứng minh nhân dân.

78.2. Kiến nghị thực thi

Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

78.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.036.250 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.852.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 183.750 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9%.

79. Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sãn là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở

79.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thành phần hồ sơ

Bãi bỏ bản sao giấy chứng minh nhân dân.

Lý do: Vì trong bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thể hiện rõ thông tin trên giấy chứng minh nhân dân.

79.2. Kiến nghị thực thi

Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

79.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.787.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.175.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 612.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9%.

80. Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản

80.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thành phần hồ sơ

Bãi bỏ bản sao giấy chứng minh nhân dân.

Lý do: Vì trong bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thể hiện rõ thông tin trên giấy chứng minh nhân dân.

80.2. Kiến nghị thực thi

Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

80.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.715.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.470.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 245.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9%.

81. Thủ tục chứng thực việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch

81.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thành phần hồ sơ

Bãi bỏ bản sao giấy chứng minh nhân dân.

Lý do: Vì trong bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thể hiện rõ thông tin trên giấy chứng minh nhân dân.

81.2. Kiến nghị thực thi

Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

81.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.107.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 985.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 122.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11%.

82. Thủ tục giải quyết hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với trẻ em khuyết tật, người khuyết tật

82.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thành phần hồ sơ

Bãi bỏ bản sao giấy chứng minh nhân dân.

Lý do: Vì trong bản sao sổ hộ khẩu đã thể hiện rõ thông tin trên giấy chứng minh nhân dân.

82.2. Kiến nghị thực thi

Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực **Lao động, Người**

có công và Xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động, Thượng binh và xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

82.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.150.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.925.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.225.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17%.

83. Thủ tục giải quyết hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng.

83.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thành phần hồ sơ

Bãi bỏ bản sao giấy chứng minh nhân dân.

Lý do: Vì trong bản sao sổ hộ khẩu đã thể hiện rõ thông tin trên giấy chứng minh nhân dân.

83.2. Kiến nghị thực thi

Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực **Lao động, Người có công và Xã hội** thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động, Thượng binh và xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

83.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.800.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.187.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 612.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,8%.

84. Thủ tục Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẽ lợi ích

84.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ thủ tục xác nhân hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẽ lợi ích

Lý do: không quy định cách thức thực hiện, không phù hợp cấp xã, không có ở đại phương.

84.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh điều 11 của Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẽ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

84.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 82,783,500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 53,929,500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 28,854,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35%.

85. Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia

85.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ yêu cầu cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.

Lý do: chỉ mang tính hình thức, không đảm bảo tính xác thực. nếu người đi khai đi làm giấy ủy quyền được thì đã trực tiếp đăng ký khai sinh không cần phải làm thêm giấy ủy quyền.

85.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh điều 2 của thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hộ tịch.

85.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 95,149,500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 62,173,500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 32,976,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35%.

86. Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia

86.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ yêu cầu cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử.

Lý do: chỉ mang tính hình thức, không đảm bảo tính xác thực. nếu người đi khai đi làm giấy ủy quyền được thì trực tiếp đăng ký khai tử không cần phải làm thêm giấy ủy quyền.

86.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh điều 2 của thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hộ tịch.

86.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 95,149,500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 62,173,500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 32,976,000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35%.

87. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư)

87.1. ***Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

Nội dung bải bỏ không thực hiện bước thiết minh thiết kế công trình.

Lý do: Trong hồ sơ thiết kế công trình, có những công trình đã có phần thiết minh.

87.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***

- Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh.

87.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 35.625.00 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 28.125.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 7.500.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21%.

88. Thủ tục Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư)

88.1. Nội dung đơn giản hóa ***(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

a) Nội dung bải bỏ không thực hiện bước thiết minh thiết kế công trình.

Lý do: Trong hồ sơ thiết kế công trình, có những công trình đã có phần thiết minh.

88.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***

- Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, và Điều 9 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

88.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 35.625.00 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 28.125.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 7.500.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21%.

89. Thủ tục Công bố mở cảng cá loại 3

89.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)*

a) Nội dung bải bỏ không thực hiện việc nộp biên bản nghiệm thu phòng cháy chữa cháy.

Lý do: Bổ sung hồ sơ trong nội dung Văn bản kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

89.2. Kiến nghị thực thi *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Luật Thủy sản năm 2017; Điều 61, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản

89.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.500.00 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.500.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9%.

90. Thủ tục tặng Bằng Khen của Chủ tịch UBND Tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề

90.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ báo cáo thành tích khi đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh về khen thưởng theo đợt và chuyên đề

Lý do: Đơn vị phát động phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề điều có các tiêu chí thi đua đặt ra, trên cơ sở đó, đơn vị phát động phong trào khen thưởng sẽ tổng hợp được kết quả thực hiện khen thưởng để có thể xét khen cho tập thể và cá nhân.

90.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh Điểm c, khoản 5, Mục I, Thủ tục hành chính thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-UBND.HC ngày 02/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

90.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 49.350.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 31.800.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 17.550.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36%.

91. Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề

91.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ báo cáo thành tích khi đề nghị tặng Cờ thi đua của Chủ tịch UBND Tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề

Lý do: Đơn vị phát động phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề điều có các tiêu chí thi đua đặt ra, trên cơ sở đó, đơn vị phát động phong trào khen thưởng sẽ tổng hợp được kết quả thực hiện khen thưởng để có thể xét khen cho tập thể.

91.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh Điểm c, khoản 6, Mục I, Thủ tục hành chính thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-UBND.HC ngày 02/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

91.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 681.250 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 530.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 151.250 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22%.

92. Thủ tục tặng Bằng Khen của Chủ tịch UBND Tỉnh về thành tích đột xuất

92.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ báo cáo thành tích khi đề nghị Bằng Khen của Chủ tịch UBND Tỉnh về thành tích đột xuất.

Lý do: Đơn vị đề nghị khen thưởng thành tích đột xuất đã nêu rõ trong tờ trình đề nghị khen những thành tích đột xuất, vì vậy tập thể và cá nhân không cần phải báo cáo thành tích.

92.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh Điểm c, khoản 7, Mục I, Thủ tục hành chính thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-UBND.HC ngày 02/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

92.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.450.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.600.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 5.850.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36%.

93. Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND Huyện về thành tích đột xuất

93.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ báo cáo thành tích khi đề nghị Giấy khen của Chủ tịch UBND Huyện về thành tích đột xuất.

Lý do: Đơn vị đề nghị khen thưởng thành tích đột xuất đã nêu rõ trong tờ trình đề nghị khen những thành tích đột xuất, vì vậy tập thể và cá nhân không cần phải báo cáo thành tích.

93.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh Điểm c, khoản 6, Mục II, Thủ tục hành chính thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-UBND.HC ngày 02/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

93.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.935.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.180.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.755.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36%.

94. Thủ tục tặng Danh hiệu Lao động tiên tiến của Chủ tịch UBND Huyện về Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm

94.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ báo cáo thành tích khi đề nghị tặng Danh hiệu Lao động tiên tiến của Chủ tịch UBND Huyện về Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm.

Lý do: Đơn vị đề nghị khen thưởng trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cuối năm của cá nhân, đơn vị có thể tổng hợp vào trong nội dung tờ trình về kết quả đánh giá đối với cá nhân không cần phải báo cáo thành tích.

94.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh Điểm c, khoản 4, Mục II, Thủ tục hành chính thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-UBND.HC ngày 02/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

94.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 65.800.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 42.400.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 23.400.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36%.

95. Thủ tục hành chính bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức.

95.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ lý lịch 2C của Bộ Nội vụ khi bổ sung hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại.

Lý do: Khi thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo, quản lý căn cứ vào lý lịch trong hồ sơ cán bộ công chức (đã cập nhật hàng năm), Phòng Nội vụ nêu rõ trong tờ trình nên không cần thực hiện mẫu lý lịch 2C của Bộ Nội vụ, vì đã có trong hồ sơ CBCC.

95.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh Điểm c, khoản 4, Mục II, Thủ tục hành chính công chức, viên chức ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-UBND.HC ngày 02/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

95.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.668.750 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.650.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.018.750 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 43%.

96. Thủ tục hành chính chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội cấp xã.

96.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ Đơn đề nghị chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội; Bỏ Nghị quyết đại hội của hội về việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội; Bỏ Sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu ban lãnh đạo lâm thời.

Lý do: Việc triệu tập ban chấp hành hội để ký đơn đề nghị và tổ chức đại hội thông qua Nghị quyết gặp nhiều khó khăn; người đứng đầu hội đa số là cán bộ, công chức xã nghỉ hưu nên không cần thiết phải có sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp.

96.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị điều chỉnh Điểm c, khoản 4, Mục II, Thủ tục hành chính lĩnh vực Hội ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-UBND.HC ngày 02/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

96.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 943.750 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 661.250 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 282.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

97. Thủ tục Đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, giao đất, thuê đất cho cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất

96.1. Nội dung đơn giản hóa:

Giảm Biên bản bàn giao đất trên thực địa trong thành phần hồ sơ chủ sử dụng phải nộp theo Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Lý do: Theo Điều 22 Quyết định 08/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Tỉnh quy định *"2. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể tử ngày Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trúng đấu giá, cơ quan tài nguyên và môi trường chủ trì, phối hợp với đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất đấu giá, tổ chức thực hiện bàn giao đất trên thực địa và trao giấy chứng nhận……."*.

97.2. Kiến nghị thực thi *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)* điều chỉnh mục 6.2 thành phần, số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục "Đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, giao đất, thuê đất cho cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất" tại Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

97.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 65.700.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 45.990.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 19.710.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

98. Thủ tục Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh

98.1. *Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)*

a) Trình tự thực hiện

- Hủy bỏ bước khi nộp nội dung thông báo thay đổi thì hộ kinh doanh nộp lại giấy chứng nhận cũ.

Lý do: Khi hộ kinh doanh gửi thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký đồng thời hộ kinh doanh phải nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cũ.

98.2. Kiến nghị thực thi *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)* Hủy bỏ điểm c khoản 1 điều 75 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

98.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20.886.250 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.757.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm 5.128.750 đồng/năm..
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25 %.

99. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu

99.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)*

a) Thành Phần hồ sơ

Bỏ điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi.

Lý do: Quyết định đã có phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu ban đầu.

99.2. Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi, tại khoản 3 điều 3 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13;

99.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.950.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.900.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.050.000 đồng/năm..
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

100. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

100.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)*

a) Thời hạn giải quyết

Rút ngắn thời gian thẩm định từ 20 làm việc còn 17 ngày làm việc.

Lý do: Các văn bản quy định rõ ràng nên việc thẩm định thuận tiện hơn.

100.2. Kiến nghị thực thi: Rút ngắn thời gian thẩm định từ 20 làm việc còn 17 ngày làm việc, tại khoản 7 điều 6 Thông tư 10/2015/BKHĐT.

100.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.525.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.085.000đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm 3.440.000 đồng/năm..
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40 %.

101. Thủ tục Mua hóa đơn

101.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)*

a) Trình tự thực hiện

Bỏ công văn đề nghị mua hóa đơn

Lý do: Sau khi nhận được hồ sơ mua hóa đơn của đơn vị, Phòng Tài chính

- Kế hoạch kiểm tra, nếu đúng đối tượng quy định thì bán hóa đơn cho đơn vị (đối với trường hợp mua hóa đơn lần đầu) hoặc căn cứ tình hình quản lý sử dụng hóa đơn lần trước của đơn vị để xem xét, quyết định số lượng quyển hóa đơn bán (đối với trường hợp mua hóa đơn các lần tiếp theo) nên không cần làm công văn đề nghị trước.

101.2. Kiến nghị thực thi: Bỏ công văn đề nghị mua hóa đơn tại điểm a khoản 4 điều 96 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

101.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.068.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.362.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm 706.250 đồng/năm..
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34%.

102. Thủ tục Đăng ký thay đổi đăng ký chi nhánh

102.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)*

a) Thành phần hồ sơ

Bỏ bản sao hợp lệ giấy chứng chỉ hành nghề

Lý do: Bỏ bản sao hợp lệ giấy chứng chỉ hành nghề vì thủ tục đó không cần thiết.

102.2. Kiến nghị thực thi: Bỏ thủ tục bản sao hợp lệ Giấy chứng chứng chỉ hành nghề tại khoản 1 điều 02 của Thông tư 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 04 năm 2019.

102.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 404.000đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 347.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 57.000 đồng/năm..

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO HĐND, UBND TỈNH BAN HÀNH:

1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục:.....

1.1. *Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)*

a).....

Lý do: .....

b) .....

Lý do: .....

1.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: …….. đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: ..... đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: ..... đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: .... %.

2. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: .....

2.1. Nội dung đơn giản hóa ***(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

a).....

Lý do: .....

b) .....

Lý do: .....

2.2. Kiến nghị thực thi ***(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)***

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: …….. đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: ..... đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: ..... đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: .... %.

Nơi nhận:
- Văn phòng UBND tỉnh (b/c);
- TT/HU, TT/HĐND huyện;
- CT, các PCT/UBND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT (TA).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khơi